

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ DUYÊN HẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số:22/2024/DS-ST

Ngày 21-6-2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự về
mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi
tôm; tôm và tôm giống*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phi Long

2. Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:
Bà Kiên Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã
Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
302/2023/TLST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc việc “*Tranh chấp hợp
đồng dân sự về mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm; tôm và tôm giống*”,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6
năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**

- Bị đơn:

+ Ông **Phan Minh C**, sinh năm 1961 (Vắng)

+ Ông **Phan Minh S** (Vắng)

Cùng địa chỉ: **Ấp L, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn bà Mai Thị T và lời trình bày của bà Mai Thị T trong quá trình tham gia tố tụng thể hiện như sau:

Trong thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 5/2023, do quen biết nên ông Phan Minh C và bà có thoả thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản. Theo thoả thuận, bà bán thức ăn và thuốc thuỷ sản nuôi tôm cho ông C đến cuối vụ thu hoạch tôm thì ông C phải trả hết tiền mua thức ăn và thuốc thuỷ sản nuôi tôm cho bà. Do ông C, ông S nuôi tôm có lúc lời lúc lỗ nên năn nỉ bà bán tiếp thức ăn và thuốc thuỷ sản nuôi tôm cho ông C. Do chỗ làm ăn và ông C là khách hàng mua hàng số lượng lớn nên bà đồng ý bán tiếp cho ông C. Cứ như vậy, mỗi vụ nuôi tôm thì ông C nợ lại một số tiền. Trong quá trình thực hiện thoả thuận trên, mỗi lần bên bà giao hàng thì bà đều có ghi trong sổ: số lượng, đơn giá từng sản phẩm, số tiền tổng của từng lần giao hàng và ông C hoặc người nhà của ông C đều có ký nhận vào sổ giao hàng.

Bên cạnh việc bán thức ăn và thuốc thuỷ sản nuôi tôm thì giữa bà và ông C còn có thoả thuận khác. Cụ thể là bà sẽ bán tôm giống cho ông C vì giá tôm giống do bà mua của công ty rẻ hơn. Bên cạnh đó, khi ông C thu hoạch tôm thì bà còn thu mua tôm của ông C. Ngoài ra, trong thời gian ông C nuôi tôm, bà có cho ông C ứng tiền trước. Khi nào ông C thu bán tôm sẽ trừ tiền ứng này vào tiền bán tôm cho bà. Việc bà giao tôm giống cho ông C, việc ông C ứng tiền hay việc thu mua tôm của ông C được bao nhiêu tiền thì bà có ghi vào sổ và đều có xác nhận phía gia đình ông C.

Diễn biến quá trình thực hiện thoả thuận giữa bà và ông C cụ thể như sau:

- Chốt sổ từ ngày 29/9/2021 đến ngày 15/4/2022:

+ Tiền bán hàng cho ông C: 2.733.612.000 đồng.

+ Tiền con giống giao 03 lần cho ông C: 284.400.000 đồng

+ Tiền ông C ứng trước 03 lần: 400.000.000 đồng

+ Tiền ông C bán tôm 03 lần gửi trả được: 798.011.000 đồng

+ Tiền ông C trả 02 lần: 500.000.000đ

Tổng cộng ông C nợ: $(2.733.612.000 + 284.400.000 + 400.000.000) - (798.011.000 + 500.000.000) = 2.120.001.000$ đồng.

- Ngày 18/4/2022:

+ Tiền ông C ứng: 200.000.000 đồng

+ Tiền bán hàng cho ông C: 33.066.000 đồng

Tổng cộng ông C nợ: 233.066.000 đồng.

- Chốt sổ từ ngày 19/4/2022 đến ngày 03/5/2022

+ Tiền bán hàng cho ông C: 164.590.000 đồng

+ Tiền con giống giao cho ông C: 126.400.000 đồng

Tổng cộng ông C nợ: 290.990.000 đồng.

- Chốt sổ từ ngày 09/5/2022 đến ngày 25/6/2022:
 - + Tiền bán hàng cho ông C: 631.727.000 đồng
 - + Tiền con giống giao cho ông C: 31.600.000 đồng
 - + Tiền ông C bán tôm 03 lần gửi trả được: 459.487.000 đồngTổng cộng ông C nợ: 203.840.000 đồng
- Chốt sổ từ ngày 06/7/2022 đến ngày 30/12/2022:
 - + Tiền bán hàng cho ông C: 1.217.522.000 đồng
 - + Tiền giao con giống cho ông C 02 lần: 158.000.000 đồngTổng cộng ông C nợ: 1.375. 522.000 đồng
- Chốt sổ từ ngày 05/01/2023 đến ngày 30/4/2023:
 - + Tiền bán hàng ông C nợ: 1.735.899.000
 - + Tiền ông C gửi trả hàng 5 lần: 46.871.000đ
 - + Tiền ông C bán tôm gửi trả được: 416.680.000đTổng cộng ông C nợ: 1.272.348.000 đồng
- Chốt sổ từ ngày 02/5/2023 đến ngày 17/5/2023:
 - + Tiền bán hàng ông C: 215.287.000 đồng
 - + Tiền ông C bán tôm gửi trả được: 573.870.000 đồng
- Ngày 24/5/2023: Ông C gửi trả lại hàng số tiền 2.645.000 đồng.

Như vậy, trong quyền sổ thứ nhất từ ngày 29/9/2021 đến ngày 30/4/2023, tổng số tiền ông C nợ bà là 5.495.766.000 đồng. Trong quyền sổ thứ hai từ ngày 02/5/2023 đến ngày 24/5/2023, ông C còn dư: 361.228.000 đồng. Tổng cộng lại từ ngày ngày 29/9/2021 đến ngày 24/5/2023 ông C còn nợ bà là 5.134.538.000 đồng.

Bà có gặp ông C nhiều lần để yêu cầu ký chốt công nợ và thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông C chỉ hứa hẹn mà không chịu trả tiền. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phan Minh C phải trả cho bà số tiền còn nợ là 5.134.538.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/5/2023 cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,83%/tháng.

Đối với ông Phan Minh S, bà T rút lại yêu cầu, không yêu cầu ông S trả tiền do số tiền còn nợ là của ông Phan Minh C.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Phan Minh C tại biên bản lấy lời khai thể hiện như sau:

Ông và bà Mai Thị T có thoả thuận miệng về việc bà T bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản cho ông. Về phương thức, thời gian thanh toán, ông và bà T thống nhất cuối một vụ tôm (khi thu hoạch tôm từng vụ) là ông sẽ thanh toán tiền cho bà T. Việc nhận hàng thì ông và con ông đều có ký nhận. Mỗi vụ tôm

ông đều thanh toán hết tiền nợ cho bà T. Riêng vụ cuối thì ông xác định còn nợ từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

Trong quá trình nuôi tôm thì ông có bán tôm cho bà T nhiều đợt nhưng không xác định bán được bao nhiêu tiền. Bà T không cho ông biết tiền mua tôm của ông là bao nhiêu. Ông và bà T cũng chưa cộng số tiền mua tôm.

Ý kiến của ông C đối với yêu cầu khởi kiện của bà T là ông C chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền là 400.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Phan Minh S đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông S không gửi văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông S cũng vắng mặt tại phiên họp hoà giải và các lần Toà án mở phiên toà nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Minh C phải trả tiền cho bà Mai Thị T số tiền còn nợ là 5.134.538.000 đồng và số tiền lãi do ông Phan Minh C chậm trả nợ cho bà T theo quy định.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bà Mai Thị T rút lại đối với ông Phan Minh S.

- Về án phí: Mặc dù ông Phan Minh C trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nhưng ông C không làm đơn yêu cầu miễn án phí nên đề nghị buộc ông C phải chịu án phí theo quy định.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kết quả hỏi tại phiên toà đã làm rõ trong thời gian từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/5/2023, giữa bà T và ông C có thoả thuận mua bán thức ăn, thuốc thuỷ sản; tôm giống và tôm thu hoạch. Vì vậy, Toà án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho đầy đủ là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán thức ăn, thuốc thuỷ sản; tôm và tôm giống*”.

[2] Về chứng cứ: Trước và tại phiên toà, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không đề nghị Tòa án xác minh, lấy lời khai của người làm chứng cũng như không đề nghị triệu tập thêm ai đến phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà đã làm rõ trong thời gian từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/5/2023, giữa bà T và ông C có thoả thuận mua bán thức ăn, thuốc thuỷ sản; tôm giống và tôm thu hoạch. Theo thoả thuận, bà T sẽ bán cho ông C thức ăn, thuốc thuỷ sản nuôi tôm. Trong khi ông C nuôi tôm thì bà T giao tôm giống cho ông C; khi ông C thu hoạch tôm thì bà T thu mua lại. Ngoài ra ông C còn ứng tiền của bà T, khi thu tôm sẽ trừ lại tiền ông C ứng. Khi ông C thu hoạch tôm xong (tính theo từng vụ) thì ông C có nghĩa vụ trả cho bà T đủ tiền đã mua thức ăn, thuốc thuỷ sản, tiền đã ứng. Quá trình giao nhận hàng có ghi sổ; người ký nhận hàng là ông Phan Minh C hoặc con của ông C.

Theo nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày thì do ông C nuôi tôm thua lỗ nhiều vụ nên ông C không trả tiền mua hàng đầy đủ cho bà T mà phải nợ lại tiền qua nhiều vụ tôm. Còn ông C cho rằng khi kết thúc từng vụ nuôi tôm thì ông đều trả hết tiền nợ cho bà T, chỉ riêng vụ tôm cuối là còn nợ bà T từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự đối chiếu với các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông C không có ký xác nhận công nợ tổng cộng số tiền còn nợ bà T là bao nhiêu nhưng trong sổ giao hàng mà bà T giao nộp cho Tòa án thể hiện rõ từng lần giao hàng đều có ghi số tên sản phẩm, số lượng và đơn giá từng sản phẩm. Mỗi lần giao hàng có ghi rõ ngày tháng năm và có xác nhận của ông C hoặc người nhà ông C như lời trình bày của ông C. Thời gian các lần giao hàng là tương đối gần kề nhau. Trong một khoảng thời gian nhất định thì bà T đều có chốt lại số tiền ông C còn nợ và tiếp tục ghi sổ các lần giao hàng. Quá trình này thực hiện nhiều lần trong sổ giao hàng do bà T giao nộp cho Tòa án. Còn ông C cho rằng đã thanh toán hết tiền còn thiếu sau mỗi vụ tôm nhưng lại không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc ông đã trả tiền cho bà T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Minh S đều vắng mặt tại phiên họp hoà giải và vắng mặt trong các lần Tòa án mở phiên toà. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, đối chiếu với toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử

thẩm tra tại phiên toà, đã có đủ căn cứ xác định được ông Phan Minh C còn nợ bà Mai Thị T số tiền là 5.134.538.000 đồng.

Về yêu cầu tính tiền lãi do ông Phan Minh C chậm trả tiền còn nợ cho bà T, Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, ông Phan Minh C phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ bà T. Về lãi suất để tính tiền lãi chậm trả tiền thì tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định: Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong vụ án này, giữa bà T và ông C không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất được áp dụng để tính tiền lãi là 10%/năm. Về thời gian tính tiền lãi chậm trả tiền: Theo tài liệu, chứng cứ trong vụ án thì thời điểm cuối cùng ông Phan Minh C trả tiền cho bà T là ngày 24/5/2023 nên bà T yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 25/5/2023 là phù hợp. Như vậy, số tiền lãi ông C phải trả cho bà T từ ngày 25/5/2023 đến ngày 21/6/2024 được tính như sau:

$5.134.538.000 \text{ đồng} \times [(01 \text{ năm} \times 10\%/năm) + (28 \text{ ngày} \times 0,027\%/ngày)] = 5.134.538.000 \text{ đồng} \times (10\% + 0,756\%) = 552.270.907 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền ông Phan Minh C có nghĩa vụ phải trả cho bà Mai Thị T là: $5.134.538.000 \text{ đồng} + 552.270.907 \text{ đồng} = 5.686.808.907 \text{ đồng}.$

[4] Về án phí: Bị đơn ông Phan Minh C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi mở phiên toà, Toà án đã giải thích, hướng dẫn và gửi cho ông C mẫu đơn đề nghị miễn án phí để gửi cho Toà án xem xét nhưng ông C không gửi đơn đề nghị miễn án phí cho Toà án. Tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án có quy định: Người đề nghị được miễn án phí phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn. Do đó, ông Phan Minh C không được xét miễn án phí mà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định được tính như sau: $112.000.000 \text{ đồng} + (5.686.808.907 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) \times 0,1\% = 113.686.808 \text{ đồng}.$

Nguyên đơn bà Mai Thị T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.695.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 12, 14 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị T.**

Buộc ông **Phan Minh C** phải trả cho bà **Mai Thị T** tổng số tiền là 5.686.808.907 đồng. Trong đó, tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm và tôm giống còn nợ là 5.134.538.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền còn nợ là 552.270.907 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà **Mai Thị T** đã rút, không khởi kiện đối với ông **Phan Minh S.**

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông **Phan Minh C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 113.686.808 đồng.

Bà **Mai Thị T** không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho bà **Mai Thị T** toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 56.695.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020031 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

4. Nguyên đơn bà **Mai Thị T** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông **Phan Minh C** và ông **Phan Minh S** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh